

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CMVIETNAM**

---

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 39

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần CMVIETNAM (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó thay đổi lần 16 ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 357 38555
- Fax : 024 385 64666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Sơn Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Dương Ngọc Trường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020

**Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Sơn Hùng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 5 năm 2018

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2019
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0268/21/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CMVIETNAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

002  
NH  
TY  
HỮU  
HÀ TỬ  
C  
NỘI  
TP.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, “Trả trước cho người bán ngắn hạn”, “Phải thu ngắn hạn khác” và “Phải trả người bán ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đang theo dõi một số khoản công nợ đã phát sinh lâu ngày, do đó, Công ty không thực hiện được thủ tục đối chiếu xác nhận nợ với các bên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về các số dư này, cũng như đánh giá ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty (nếu có), cụ thể:

Chỉ tiêu	Số dư 31/12/2020	Số dư 31/12/2019	Thuyết minh
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.927.265.023	13.927.265.023	V.3a
Trả trước cho người bán ngắn hạn	264.820.000	264.820.000	V.4
Phải trả người bán ngắn hạn	8.917.779.406	6.475.874.189	V.12a

- Chỉ tiêu “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đang theo dõi số dư Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Công trình Sông Bạc với số tiền là 21.361.631.990 VND, phát sinh từ năm 2013. Chúng tôi chưa nhận được các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng ghi nhận doanh thu của công trình này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng ghi nhận doanh thu tương ứng với giá trị dở dang của công trình này, cũng như số dự phòng tổn thất cần trích lập (nếu có).

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMVIETNAM tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>227.156.013.867</b>	<b>289.859.465.806</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>12.973.035.049</b>	<b>8.382.782.984</b>
1. Tiền	111		4.973.035.049	6.358.848.738
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	2.023.934.246
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>55.202.734.607</b>	<b>44.512.144.112</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	55.202.734.607	44.512.144.112
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>82.073.120.201</b>	<b>127.471.950.987</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	54.045.383.585	73.544.224.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.329.271.249	41.479.547.016
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.625.000.000	4.225.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	47.948.719.723	57.098.433.775
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(48.875.254.356)	(48.875.254.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>65.867.130.036</b>	<b>92.661.035.682</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	65.867.130.036	92.661.035.682
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.039.993.974</b>	<b>16.831.552.041</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	254.524.248	2.494.718.206
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.785.469.726	14.336.833.835
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>157.617.474.414</b>	<b>198.346.459.820</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>27.265.386.429</b>	<b>20.826.699.903</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	27.161.886.429	20.826.699.903
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	103.500.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.272.503.816</b>	<b>40.540.902.878</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	5.202.685.458	27.534.561.024
<i>Nguyên giá</i>	222		37.963.486.963	57.121.839.211
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(32.760.801.505)	(29.587.278.187)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	69.818.358	13.006.341.854
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	13.163.033.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(177.636.642)	(156.691.146)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>124.912.111.784</b>	<b>131.220.919.758</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	62.954.570.000	110.654.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	60.900.000.000	13.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(9.485.185.102)	(4.964.842.523)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	10.542.726.886	12.331.192.281
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>167.472.385</b>	<b>5.757.937.281</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	167.472.385	5.757.937.281
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>384.773.488.281</b>	<b>488.205.925.626</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>198.664.088.505</b>	<b>300.974.196.051</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>185.326.282.318</b>	<b>289.035.703.305</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	60.753.469.599	78.802.908.196
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	94.075.574.471	137.994.412.304
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.814.519.694	3.216.159.291
4. Phải trả người lao động	314		4.858.314.091	6.617.414.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.761.109.990	11.395.819.217
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	692.638.873	5.885.678.805
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.406.159.874	2.572.731.088
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	11.891.244.414	41.477.328.608
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.073.251.312	1.073.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.337.806.187</b>	<b>11.938.492.746</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	13.337.806.187	11.913.492.746
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	25.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

315  
NHÀ  
NG  
HIỆM  
N V  
&  
HA  
A -

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.109.399.776</b>	<b>187.231.729.575</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>186.109.399.776</b>	<b>187.231.729.575</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.392.289.299	5.161.362.309
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.929.060.477	10.282.317.266
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.051.390.276	10.282.317.266
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.122.329.799)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>384.773.488.281</b>	<b>488.205.925.626</b>

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	230.489.124.388	267.089.445.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		230.489.124.388	267.089.445.774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	229.280.190.404	249.817.451.054
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.208.933.984	17.271.994.720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.395.350.543	8.985.131.758
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.004.153.982	2.262.078.402
Trong đó: chi phí lãi vay	23		220.246.134	793.896.172
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.600.493.516	18.513.410.112
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.000.362.971)	5.481.637.964
11. Thu nhập khác	31	VI.6	10.815.106.408	8.973.846.847
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.685.724.404	7.604.018.812
13. Lợi nhuận khác	40		7.129.382.004	1.369.828.035
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		129.019.033	6.851.465.999
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.251.348.832	1.460.490.384
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(1.122.329.799)</u>	<u>5.390.975.615</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		129.019.033	6.851.465.999
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; 11	6.941.103.289	8.138.586.683
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	4.520.342.579	7.277.242.407
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	16.622.320	(2.508.969.640)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.554.417.723)	(5.953.801.780)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	220.246.134	793.896.172
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.727.084.368)	14.598.419.841
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.097.538.756	4.957.591.234
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.793.905.646	(34.146.336.272)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(72.159.210.374)	(22.181.340.873)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.766.107.766	(4.889.796.124)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(307.110.079)	(750.108.720)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.704.297.865)	(4.072.727.637)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.759.849.482</b>	<b>(46.484.298.551)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(793.670.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		35.072.234.363	2.052.115.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.309.056.607)	(49.664.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.006.931.507	18.301.514.196
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.670.489.945	1.599.926.602
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>29.440.599.208</b>	<b>(28.504.113.748)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	6.108.785.034	59.232.208.673
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(35.719.869.228)	(44.443.692.062)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(29.611.084.194)</b>	<b>6.188.516.611</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.589.364.496</b>	<b>(68.799.895.688)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8.382.782.984</b>	<b>77.197.746.918</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		887.569	(15.068.246)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>12.973.035.049</b>	<b>8.382.782.984</b>

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Handwritten signature of Kim Ngọc Nhân

Kim Ngọc Nhân

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMVIETNAM(sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty đã thực hiện thanh lý tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Ô 60, khu A đấu giá Quyền sử dụng đất, khu đất 3ha phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Mục đích thanh lý để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu lại chi phí quản lý doanh nghiệp. Lãi thanh lý là 6.256.744.160 VND (Xem thuyết minh VI.6).

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hợp đồng của Công ty với Công ty Duglas Alliance Co.,Ltd - England ("nhà thầu chính") về việc thi công một phần dự án Dự án Thủy điện Sendje, tại Ghi-nê Xích đạo đã bị gián đoạn. Công ty phải tổ chức đưa các công nhân về nước và thực hiện thanh lý hợp đồng. Chi phí thực tế đã phát sinh thêm trong năm là chi phí thuê máy bay đưa công nhân về Việt Nam số tiền 6.920.800.000 VND.

##### 6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	33A Tô Hiến Thành, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ khách sạn	38,47%	38,47%	38,47%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	23,32%	23,32%	23,32%

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 86 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 379 nhân viên). Số lượng nhân viên sụt giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty thanh lý hợp đồng với một số cán bộ công nhân viên, đặc biệt là các công nhân lao động nước ngoài.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THÀNH  
C  
H  
T  
/

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng nơi công ty mở tài khoản (các Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CM  
TY  
HỮU  
T  
C  
N  
TP

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:  
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### *Nhãn hiệu, tên thương mại*

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

## 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 11. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	868.597	73.621.464
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.972.166.452	6.285.227.274
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	8.000.000.000	2.023.934.246
<b>Cộng</b>	<b><u>12.973.035.049</u></b>	<b><u>8.382.782.984</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây đều có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>55.202.734.607</b>	<b>44.512.144.112</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	55.202.734.607	44.512.144.112
<b>Dài hạn</b>	<b>10.542.726.886</b>	<b>12.331.192.281</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	5.982.726.886	7.771.192.281
Trái phiếu (*)	4.560.000.000	4.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>65.745.461.493</u></b>	<b><u>56.843.336.393</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Là 456 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm với lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,2%/năm. Trái phiếu này cùng 01 hợp đồng tiền gửi có giá trị 5.500.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>62.954.570.000</b>	<b>(3.603.362.581)</b>	<b>110.654.570.000</b>	<b>(4.964.842.523)</b>
Công ty Cổ phần CM				
Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	21.030.000.000	(3.603.362.581)	21.030.000.000	(3.603.362.581)
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường <sup>(ii)</sup>	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang <sup>(iii)</sup>	-	-	47.700.000.000	(1.361.479.942)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>60.900.000.000</b>	<b>(5.881.822.521)</b>	<b>13.200.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần CM Nha Trang <sup>(iii)</sup>	47.700.000.000	(5.881.822.521)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin <sup>(iv)</sup>	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(9.485.185.102)</b>	<b>123.854.570.000</b>	<b>(4.964.842.523)</b>

(i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Công ty sở hữu 3.421.900 cổ phần Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, mệnh giá 34.219.000.000 VND, giá trị ghi sổ 41.924.570.000 VND, tương đương 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).

(iii) Công ty sở hữu 4.770.000 cổ phần Công ty Cổ phần CM Nha Trang, tương đương 38,47% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.770.000 cổ phần, tương đương 59,63% vốn điều lệ). Tỷ lệ sở hữu của Công ty thay đổi do Công ty Cổ phần CM Nha Trang tăng vốn điều lệ từ ngày 23 tháng 12 năm 2020.

(iv) Công ty đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin với giá mua là 13.200.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 23,32% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tình hình hoạt động</u>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con	Đã dừng hoạt động nhưng chưa đóng mã số thuế
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con	Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết	Đang trong quá trình đầu tư chưa phát sinh doanh thu
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty liên kết từ ngày 23/12/2020	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 lỗ do ảnh hưởng của dịch Covid 19

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.964.842.523	4.170.796.998
Trích lập dự phòng bổ sung	4.520.342.579	794.045.525
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.485.185.102</b>	<b>4.964.842.523</b>

#### Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại</b>		
Chi hộ Công ty con	3.000.000	3.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường</b>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	55.454.545	360.754.900
Thuê máy móc thiết bị của Công ty con	1.525.290.323	4.618.369.050
Công ty con chia cổ tức	2.737.520.000	-
<b>Công ty Cổ phần CM Nha Trang</b>		
Thi công xây lắp cho Công ty con	12.092.152.002	24.164.874.275
Cho Công ty con thuê xe	240.000.000	200.000.000
Cho Công ty con vay	3.400.000.000	8.450.000.000
Lãi vay phải thu Công ty con	476.534.723	71.438.889

PHỤ LỤC  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CỔ PHẦN  
CMVIETNAM



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Phải thu của khách hàng

##### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>20.358.712.525</i>	<i>6.793.345.323</i>
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	20.358.712.525	6.793.345.323
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>33.686.671.060</i>	<i>66.750.879.229</i>
Công ty SK Engineering an Constructions	583.482.916	24.965.033.664
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc (*)	13.927.265.023	13.927.265.023
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Các khách hàng khác	7.984.603.029	16.667.260.450
<b>Cộng</b>	<b><u>54.045.383.585</u></b>	<b><u>73.544.224.552</u></b>
Trong đó:		
(*) Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	13.927.265.023	13.927.265.023

##### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>27.161.886.429</i>	<i>20.826.699.903</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.438.779.542	2.438.779.542
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1	2.691.000.000	2.691.000.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	4.996.058.000	5.153.965.000
Hazama Ando Corporation	5.427.143.039	4.196.936.760
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	8.606.611.356	3.125.857.400
Các khách hàng khác	3.002.294.492	3.220.161.201
<b>Cộng</b>	<b><u>27.161.886.429</u></b>	<b><u>20.826.699.903</u></b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>21.329.271.249</i>	<i>41.479.547.016</i>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	5.483.544.039	7.798.550.714
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	3.731.208.071	2.327.266.071
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thành Sen	3.133.000.000	3.133.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	3.065.443.600	4.173.829.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	2.333.176.350	3.222.300.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Nông nghiệp Hà Nội	79.305.676	6.210.111.139
Công ty Cổ phần JIVC	-	8.780.000.000
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix(*)	264.820.000	264.820.000
Các nhà cung cấp khác	3.238.773.513	5.569.670.092
<b>Cộng</b>	<b><u>21.329.271.249</u></b>	<b><u>41.479.547.016</u></b>
Trong đó:	-	-
(*) Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	264.820.000	264.820.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay không xác định thời hạn Công ty Cổ phần CM Nha Trang (Công ty liên kết) với lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty liên kết.

Chi tiết số phát sinh khoản cho vay trong năm như sau

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.225.000.000	625.000.000
Cho vay	3.400.000.000	8.450.000.000
Phân loại sang cho vay dài hạn	-	(4.850.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.625.000.000</b>	<b>4.225.000.000</b>

#### 6. Phải thu khác

##### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.520.672.258</b>	-	<b>2.054.233.499</b>	-
Công ty Cổ phần CM Nha Trang - Lãi cho vay	547.973.612	-	71.438.889	-
Công ty Cổ phần CM Thành Đông - Tiền chi hộ	1.698.646	-	1.698.646	-
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại - Tiền chi hộ	6.000.000	-	3.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Tạm ứng	965.000.000	-	1.533.667.308	-
Ông Dương Ngọc Trường - Tạm ứng	-	-	37.406.539	-
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	-	-	312.061.446	-
Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương	-	-	94.960.671	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>46.428.047.465</b>	<b>(39.850.706.013)</b>	<b>55.044.200.276</b>	<b>(39.850.706.013)</b>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.943.767.077	-	2.216.761.524	-
Tạm ứng	1.568.353.500	-	10.206.409.891	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.035.271.179	-	1.155.271.179	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	(12.610.656.272)	12.610.656.272	(12.610.656.272)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(5.700.000.000)	5.700.000.000	(5.700.000.000)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.029.949.696	-	1.615.051.669	-
<b>Cộng</b>	<b>47.948.719.723</b>	<b>(39.850.706.013)</b>	<b>57.098.433.775</b>	<b>(39.850.706.013)</b>

##### 6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 7. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	5.906.047.298	5.906.047.298
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	12.610.656.272
Các khách hàng khác	146.350.000	146.350.000
<b>Cộng</b>	<b><u>48.875.254.356</u></b>	<b><u>48.875.254.356</u></b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	48.875.254.356	42.392.057.474
Trích lập dự phòng bổ sung	-	6.483.196.882
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>48.875.254.356</u></b>	<b><u>48.875.254.356</u></b>

### 8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.233.930.703	-	5.599.125.428	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	56.026.381.921	-	84.565.790.722	-
Hàng hóa	6.606.817.412	-	2.496.119.532	-
<b>Cộng</b>	<b><u>65.867.130.036</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>92.661.035.682</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Xenamnoy Gói 3	-	2.781.399.712
Dự án Sông Bạc	21.361.631.990	21.361.631.990
Khách sạn CM Nha Trang	-	12.344.919.437
Dự án Dầu Tiếng	2.137.822.354	16.690.720.142
Gói thầu XL1 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	11.976.401.850	9.375.526.535
Gói thầu XL3 kênh Linh Cảm - Ngàn Trươi	7.536.497.784	5.050.872.277
Dự án Nậm Ngừm	4.634.535.737	5.655.470.416
Các công trình, dự án khác	8.379.492.206	11.305.250.213
<b>Cộng</b>	<b><u>56.026.381.921</u></b>	<b><u>84.565.790.722</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	53.960.140	1.719.332.035
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	-	362.234.475
Phí bảo lãnh	14.685.559	115.331.652
Chi phí sửa chữa	15.164.550	106.742.071
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.713.999	191.077.973
<b>Cộng</b>	<b><u>254.524.248</u></b>	<b><u>2.494.718.206</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	62.087.680	4.337.630.133
Phí bảo lãnh	1.777.774	640.845.943
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	74.505.420	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	29.101.511	779.461.205
<b>Cộng</b>	<b><u>167.472.385</u></b>	<b><u>5.757.937.281</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	16.603.265.742	30.345.774.389	7.924.530.999	2.248.268.081	57.121.839.211
Thanh lý, nhượng bán	(16.603.265.742)	(800.000.000)	-	(1.755.086.506)	(19.158.352.248)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>29.545.774.389</u></b>	<b><u>7.924.530.999</u></b>	<b><u>493.181.575</u></b>	<b><u>37.963.486.963</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	12.900.076.981	2.356.200.000	493.181.576	15.749.458.557
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.549.638.132	22.182.968.678	4.493.682.217	1.360.989.160	29.587.278.187
Khấu hao trong năm	442.753.752	5.014.944.032	1.163.304.708	299.155.301	6.920.157.793
Thanh lý, nhượng bán	(1.992.391.884)	(587.279.705)	-	(1.166.962.886)	(3.746.634.475)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>26.610.633.005</u></b>	<b><u>5.656.986.925</u></b>	<b><u>493.181.575</u></b>	<b><u>32.760.801.505</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	15.053.627.610	8.162.805.711	3.430.848.782	887.278.921	27.534.561.024
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.935.141.384</u></b>	<b><u>2.267.544.074</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.202.685.458</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.836.020.352 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Nhãn hiệu, tên thương mại</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	12.915.578.000	209.455.000	38.000.000	13.163.033.000
Thanh lý, nhượng bán	(12.915.578.000)	-	-	(12.915.578.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>209.455.000</b>	<b>38.000.000</b>	<b>247.455.000</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	38.000.000	38.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	118.691.146	38.000.000	156.691.146
Khấu hao trong năm	-	20.945.496	-	20.945.496
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>139.636.642</b>	<b>38.000.000</b>	<b>177.636.642</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	12.915.578.000	90.763.854	-	13.006.341.854
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>69.818.358</b>	<b>-</b>	<b>69.818.358</b>
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**12. Phải trả người bán****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>36.010.717.026</b>	<b>32.853.990.591</b>
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	27.830.576.268	24.673.849.833
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>24.742.752.573</b>	<b>45.948.917.605</b>
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng <sup>(*)</sup>	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thịnh Cường <sup>(*)</sup>	437.048.237	437.048.237
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt <sup>(*)</sup>	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty Cổ phần Công nghiệp xây dựng Toàn phát <sup>(*)</sup>	1.120.314.660	1.120.314.660
Các nhà cung cấp khác	15.824.973.167	37.031.138.199
<b>Cộng</b>	<b>60.753.469.599</b>	<b>78.802.908.196</b>
Trong đó:	-	-
<sup>(*)</sup> Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	8.917.779.406	6.475.874.189

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>13.337.806.187</b>	<b>11.913.492.746</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	1.588.606.000	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp 5	1.453.601.500	1.453.601.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển C&D	2.425.978.959	1.397.378.558
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng nông nghiệp Hà Nội	1.835.737.890	480.976.230
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lan Linh	-	1.913.310.380
Các nhà cung cấp khác	3.054.699.560	2.100.437.800
<b>Cộng</b>	<b>13.337.806.187</b>	<b>11.913.492.746</b>

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>94.075.574.471</b>	<b>137.994.412.304</b>
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hà Tĩnh	48.500.000.000	56.300.000.000
Ban quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 8	43.828.000.001	58.446.000.001
Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tây Ninh	-	5.400.000.000
Các khách hàng khác	1.747.574.470	17.848.412.303
<b>Cộng</b>	<b>94.075.574.471</b>	<b>137.994.412.304</b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.305.526.878	(2.305.526.878)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.780.075	(7.780.075)	-
Thuế nhập khẩu	-	10.147.923	(10.147.923)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.550.142.400	1.251.348.832	(1.704.297.865)	1.097.193.367
Thuế thu nhập cá nhân	1.666.016.891	452.429.026	(1.401.119.590)	717.326.327
Thuế nhà đất	-	2.396.128	(2.396.128)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	102.626.700	(102.626.700)	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.216.159.291</b>	<b>4.135.255.562</b>	<b>(5.536.895.159)</b>	<b>1.814.519.694</b>

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xuất khẩu là 0%, hoạt động trong nước là 10%.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	129.019.033	6.851.465.999
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.107.979.921	450.985.921
Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ	5.051.746.998	5.176.717.085
Lãi chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt	50.147.368	53.769.122
Dự phòng phải thu khó đòi không đủ điều kiện	176.746.146	1.297.068.528
Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	-	2.700.000.000
Dự thu lãi tiền gửi năm trước, năm nay thu được	31.500.000	93.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm trước	2.216.761.524	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ năm nay	2.508.969.640	1.003.129.435
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	16.622.320	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	51.000.000	29.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	(1.943.767.077)	(4.725.731.164)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối năm	-	(2.508.969.640)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<u>(1.943.767.077)</u>	<u>(2.216.761.524)</u>
Thu nhập được miễn thuế	3.236.998.954	7.302.451.920
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<u>(2.737.520.000)</u>	<u>-</u>
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	499.478.954	7.302.451.920
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	6.256.744.160	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.757.265.206)	7.302.451.920
	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<u>1.251.348.832</u>	<u>1.460.490.384</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<u>6.761.109.990</u>	<u>11.395.819.217</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	86.863.945
Trích trước chi phí công trình	6.761.109.990	11.308.955.272
<b>Cộng</b>	<u>6.761.109.990</u>	<u>11.395.819.217</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước vé máy bay Dự án Senji	-	5.059.940.150
Phí quản lý hợp đồng nhận trước	692.638.873	825.738.655
<b>Cộng</b>	<b>692.638.873</b>	<b>5.885.678.805</b>

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.406.159.874</i>	<i>2.572.731.088</i>
Kinh phí công đoàn	613.021.117	343.360.056
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	113.325.735	340.548.724
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.580.561.776
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tân Bình Mạnh - Các khoản trả hộ	2.121.457.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	558.356.022	308.260.532
<b>Cộng</b>	<b>3.406.159.874</b>	<b>2.572.731.088</b>

#### 18. Vay

##### 18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.698.471.321</i>	<i>8.698.471.321</i>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại <sup>(i)</sup>	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông <sup>(i)</sup>	6.624.000.000	6.624.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>1.209.566.093</i>	<i>29.800.150.287</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I <sup>(ii)</sup>	1.209.566.093	20.800.151.280
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	8.999.999.007
<i>Vay cá nhân (Ông Phạm Văn Tùng) <sup>(i)</sup></i>	<i>1.958.207.000</i>	<i>1.455.207.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>25.000.000</i>	<i>1.523.500.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>11.891.244.414</b>	<b>41.477.328.608</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thể chấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	8.698.471.321	-	-	-	8.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.800.150.287	5.605.785.034	-	(34.196.369.228)	1.209.566.093
Vay ngắn hạn cá nhân	1.455.207.000	503.000.000	-	-	1.958.207.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.523.500.000	-	25.000.000	(1.523.500.000)	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>41.477.328.608</u></b>	<b><u>6.108.785.034</u></b>	<b><u>25.000.000</u></b>	<b><u>(35.719.869.228)</u></b>	<b><u>11.891.244.414</u></b>

#### 18b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước, kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn trong năm nay như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	25.000.000	1.523.500.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	25.000.000
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>25.000.000</u></b>	<b><u>1.548.500.000</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	25.000.000	1.548.488.667
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(25.000.000)	(1.523.488.667)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>25.000.000</u></b>

#### 19. Vốn chủ sở hữu

##### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	5.148.466.209	13.504.237.751	190.440.753.960
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.390.975.615	5.390.975.615
Trích lập các quỹ	-	-	12.896.100	(12.896.100)	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(8.600.000.000)	(8.600.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>172.000.000.000</u></b>	<b><u>(211.950.000)</u></b>	<b><u>5.161.362.309</u></b>	<b><u>10.282.317.266</u></b>	<b><u>187.231.729.575</u></b>
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	5.161.362.309	10.282.317.266	187.231.729.575
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(1.122.329.799)	(1.122.329.799)
Trích lập quỹ	-	-	230.926.990	(230.926.990)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>172.000.000.000</u></b>	<b><u>(211.950.000)</u></b>	<b><u>5.392.289.299</u></b>	<b><u>8.929.060.477</u></b>	<b><u>186.109.399.776</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	17.200.000	17.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ/ĐHĐCĐ/CMVN ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 230.926.990

#### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	581,16	214.572,05
Euro (EUR)	344,18	683,02
Kíp Lào (LAK)	1.477.721,80	1.307.939,80
Baht Thái Lan (THB)	10.891,55	13.182,46

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.769.901.032	809.496.458
Doanh thu hợp đồng xây dựng	228.719.223.356	266.279.949.316
<b>Cộng</b>	<b>230.489.124.388</b>	<b>267.089.445.774</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu cho thuê nhà</b>		
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT	-	163.636.364
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch HĐQT	-	163.636.364
Ông Dương Ngọc Trường - Phó Tổng Giám đốc	-	81.818.180

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	411.543.823	371.404.644
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	228.868.646.581	249.446.046.410
<b>Cộng</b>	<b>229.280.190.404</b>	<b>249.817.451.054</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.295.175.498	3.464.307.437
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.779.475	78.272.197
Lãi tiền cho vay	476.534.723	71.438.889
Lãi đầu tư trái phiếu	364.800.000	365.940.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.737.520.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	502.540.847	639.082.629
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.508.969.640
Lãi được hưởng tương ứng với tiền bảo hành chủ đầu tư giữ lại	-	1.857.120.966
<b>Cộng</b>	<b><u>7.395.350.543</u></b>	<b><u>8.985.131.758</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	220.246.134	793.896.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.246.942.949	674.136.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	16.622.320	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.520.342.579	794.045.525
<b>Cộng</b>	<b><u>6.004.153.982</u></b>	<b><u>2.262.078.402</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.278.311.200	6.139.362.216
Chi phí đồ dùng văn phòng	896.058.485	1.025.876.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	789.944.502	1.191.372.376
Thuế, phí và lệ phí	23.691.809	211.935.656
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	6.483.196.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.466.452.988	3.066.314.758
Các chi phí khác	146.034.532	395.351.250
<b>Cộng</b>	<b><u>9.600.493.516</u></b>	<b><u>18.513.410.112</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán vật tư, vận chuyển thiết bị	3.573.281.658	6.155.984.705
Lãi thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	6.256.744.160	-
<i>Trong đó: Tiền thu từ thanh lý</i>	<i>34.446.870.727</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí thanh lý</i>	<i>28.190.126.567</i>	<i>-</i>
Lãi thanh lý tài sản cố định khác	423.643.341	2.052.115.454
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	316.000.000
Thu nhập khác	561.437.249	449.746.688
<b>Cộng</b>	<b><u>10.815.106.408</u></b>	<b><u>8.973.846.847</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán vật tư, vận chuyển thiết bị	3.463.096.981	6.155.984.705
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính, BHXH	176.746.146	1.297.068.528
Chi phí khác	45.881.277	150.965.579
<b>Cộng</b>	<b><u>3.685.724.404</u></b>	<b><u>7.604.018.812</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.579.180.473	105.114.940.300
Chi phí nhân công	53.723.627.730	52.849.395.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.941.103.289	8.138.586.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.208.922.830	147.815.312.141
Chi phí khác	1.834.318.451	11.530.705.824
<b>Cộng</b>	<b><u>202.287.152.773</u></b>	<b><u>325.448.940.805</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi nhập gốc	1.431.056.607	843.056.581

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b>		
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	8.100.000.000	-
Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc	3.000.000.000	-
Tạm ứng cho Ông Dương Ngọc Trường	1.010.000.000	126.112.000
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	3.982.000.000	-
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	311.610.000	2.426.075.232
Vay Ông Nguyễn Ngọc Tú	-	6.325.940.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>			
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị	469.000.000	180.000.000	649.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	535.000.000	18.000.000	553.000.000
Ông Trần Văn Trung - Ủy viên Hội đồng quản trị	204.800.000	18.000.000	222.800.000
Ông Lương Sơn Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	18.000.000	18.000.000
Ông Dương Ngọc Trường - Ủy viên Hội đồng quản trị	486.800.000	4.500.000	491.300.000
Ông Nguyễn Văn Phi - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	13.500.000	13.500.000
Bà Đinh Thị Thủy - Phó Tổng Giám đốc	378.800.000	-	378.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Phó Tổng Giám đốc	563.466.666	-	563.466.666
<b>Cộng</b>	<b><u>2.637.866.666</u></b>	<b><u>252.000.000</u></b>	<b><u>2.889.866.666</u></b>
<b>Năm trước</b>			
Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị	106.000.000	180.000.000	286.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	567.000.000	18.000.000	585.000.000
Ông Trần Văn Trung - Ủy viên Hội đồng quản trị	104.800.000	18.000.000	122.800.000
Ông Lương Sơn Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	18.000.000	18.000.000
Ông Dương Ngọc Trường - Ủy viên Hội đồng quản trị	518.800.000	-	518.800.000
Ông Nguyễn Văn Phi - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	18.000.000	18.000.000
Bà Đinh Thị Thủy - Phó Tổng Giám đốc	410.800.000	-	410.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú - Phó Tổng Giám đốc	863.833.333	-	863.833.333
<b>Cộng</b>	<b><u>2.571.233.333</u></b>	<b><u>252.000.000</u></b>	<b><u>2.823.233.333</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty con trực tiếp (đến ngày 22/12/2020) Công ty liên kết (từ ngày 23 tháng 12 năm 2020)
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.6, V.12a, V.17 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### 2a. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	186.447.167.195	44.041.957.193	230.489.124.388
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>186.447.167.195</b>	<b>44.041.957.193</b>	<b>230.489.124.388</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.517.154.209	(308.220.225)	1.208.933.984
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.600.493.516)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(8.391.559.532)
Doanh thu hoạt động tài chính			7.395.350.543
Chi phí tài chính			(6.004.153.982)
Thu nhập khác			10.815.106.408
Chi phí khác			(3.685.724.404)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.251.348.832)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(1.122.329.799)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>141.366.545</b>	-	<b>141.366.545</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>8.789.050.159</b>	<b>666.426.493</b>	<b>9.455.476.652</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	144.815.695.493	122.273.750.281	267.089.445.774
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>144.815.695.493</b>	<b>122.273.750.281</b>	<b>267.089.445.774</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.519.287.513	9.752.707.207	17.271.994.720
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.513.410.112)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.241.415.392)
Doanh thu hoạt động tài chính			8.985.131.758
Chi phí tài chính			(2.262.078.402)
Thu nhập khác			8.973.846.847
Chi phí khác			(7.604.018.812)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.460.490.384)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>5.390.975.615</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>6.837.732.863</b>	<b>-</b>	<b>6.837.732.863</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>5.220.667.226</b>	<b>5.595.164.887</b>	<b>10.815.832.113</b>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:			
	<b>Khu vực trong nước</b>	<b>Khu vực nước ngoài</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	142.490.731.037	4.375.735.924	146.866.466.961
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			237.907.021.320
<b>Tổng tài sản</b>			<b>384.773.488.281</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	161.540.131.870	50.022.190	161.590.154.060
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			37.073.934.445
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>198.664.088.505</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	207.894.419.901	53.909.585.557	261.804.005.458
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			226.401.920.168
<b>Tổng tài sản</b>			<b>488.205.925.626</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	229.349.461.888	10.757.170.575	240.106.632.463
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			60.867.563.588
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>300.974.196.051</b>

49816  
 BI NH  
 CÔNG  
 NIỆM  
 ĐẢN V.  
 A &  
 AI HÀ  
 ĐA -

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMVIETNAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là trong 01 lĩnh vực xây dựng, lắp đặt công trình.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2021/NQ-HĐQT/CMVN ngày 05 tháng 02 năm 2021 đã thông qua việc đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CM Phan Thiết với số tiền góp vốn là 49.200.000.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

